

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Toàn

2. Bà Trần Thị Thanh Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1965

Trú tại: khu phố 01, phường Mũi N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1963

Trú tại: khu phố 01, phường Mũi N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông V, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mũi N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào năm 1985.

Chúng tôi chung sống hạnh phúc được 20 năm đầu. Thời gian gần đây thì

vợ chồng luôn cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống hàng ngày, mỗi người đều có cách sống khác nhau, không ai quan tâm đến ai, nên đời sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tôi làm đơn này mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị T. Tôi xác định không còn tình cảm với bà T nữa, tôi yêu cầu được ly hôn.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên đã làm đơn khởi kiện mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị T.

Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T, vì tôi không còn tình cảm với bà T, lý do giữa tôi và bà T có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, bà T bệnh con dẫn đến con trai tôi đánh tôi, điều này tôi không thể chấp nhận được. Tôi không còn chung sống với bà T từ tháng 12/2022 vì mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng. Nếu cuộc sống vợ chồng tiếp tục tôi nghĩ sẽ tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Trần Tuấn P (giới tính: Nam), sinh ngày 07/11/1992. Đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết bà Trần Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 1985 thì đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mũi N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Chúng tôi chung sống hạnh phúc lo cho con cái. Trong cuộc sống thì vợ chồng cũng có cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống hàng ngày, mỗi người đều có cách sống khác nhau, vợ chồng cũng có cãi vã, mâu thuẫn nhau. Trước đây tôi cũng có nộp đơn ly hôn, sau đó tôi rút đơn để cho nhau cơ hội và tiếp tục chung sống. Theo tôi được biết, hiện nay ông V đang quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, về kiếm chuyện và yêu cầu ly hôn. Tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng, dù ông V cương quyết có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V, ông V muốn đi đâu thì đi, tôi không ràng buộc, tuy nhiên tôi không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì tôi cũng không có ý kiến gì. Nguyên nhân là giữa con trai tôi và ông V có xảy ra mâu thuẫn. Tôi đề nghị Tòa án không mời tôi nữa, Tòa tự giải quyết với ông V.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Trần Tuấn P (giới tính: Nam), sinh ngày 07/11/1992. Đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa ông V và bà T đã trầm trọng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn V về việc xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị T, bà T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú là khu phố 01, phường Mũi N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyền số 02 tại UBND phường Mũi N, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Bình Thuận ngày 25/11/1985 nên quan hệ hôn nhân của ông V và bà T là hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Qua lời khai

của ông V, vợ chồng ông bà đã không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng nặng nề. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận vợ chồng cũng có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà T đã viết bản tự khai, bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Trong quá trình giải quyết bà T cũng thừa nhận từ Tết nguyên đán cho đến nay, ông bà không còn sống chung với nhau nữa, ông V bỏ đi nơi khác sống. Mâu thuẫn gia đình là do mâu thuẫn giữa ông V và con. Tuy nhiên bà T không đồng ý ly hôn, ông V muốn đi đâu thì đi, bà không ràng buộc, tuy nhiên bà T không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì bà T cũng không có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V là phù hợp.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Tuấn P (giới tính: Nam), sinh ngày 07/11/1992. Đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Do ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận về việc xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung của ông Nguyễn Văn V là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V. Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Tuấn P (giới tính: Nam), sinh ngày 07/11/1992. Đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 07/3/2023 ông V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0015478 nay được chuyển sang án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (12/4/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Thị Yến Linh